

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 184/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Quảng Bình
Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn – Đồng Hới – Quảng Bình.
Tên mẫu: Nước máy Mã số: 184/XNN/2019 Số lượng: 02 lít
Địa điểm lấy mẫu: Trần Đình Tiến – Uyên Phong – Châu Hóa – Tuyên Hóa – Quảng Bình
Công trình: Cấp nước liên xã Tiến Hóa, Châu Hóa, Văn Hóa – Tuyên Hóa – Quảng Bình.
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đầy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.
Ngày nhận mẫu: 08/5/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 20/5/2019
Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp kiểm nghiệm	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Độ đục, NTU	0,42	Máy đo độ đục(*)	≤ 2
2	pH	6,9	Máy đo pH	6,5 - 8,5
3	Hàm lượng Clo dư, mg/l	0,33	Bộ text Clo	0,3 - 0,5
4	Hàm lượng Mangan, mg/l	KPH (LOD: 0,01 mg/l)	SMEWW 3111-Mn	0,3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	1,14	TCVN 6180:1996(*)	50
6	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD: 0,03 mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ (*)	3
7	Coliforms tổng số, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996(*)	0

Ghi chú:

- Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- KPH: Không phát hiện
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 17 tháng 5 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Minh Tiến

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 193/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Quảng Bình.

Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn – Đồng Hới – Quảng Bình.

VILAS 685

Tên mẫu: Nước máy

Mã số: 193/XNN/2019

Số lượng: 02 lít

Địa điểm lấy mẫu: Lê Văn Khánh - Thanh Khê - Thanh Trạch - Bồ Trạch - Quảng Bình.

Công trình: Cấp nước xã Thanh Trạch

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đầy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.

Ngày nhận mẫu: 16/5/2019

Ngày hẹn trả kết quả: 30/5/2019

Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp kiểm nghiệm	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Độ đục, NTU	0,59	Máy đo độ đục(*)	2
2	pH	6,72	Máy đo pH	6,5 - 8,5
3	Hàm lượng Clo dư	0,32	Bộ text Clo	0,3 - 0,5
4	Hàm lượng Mangan, mg/l	KPH (LOD: 0,01 mg/l)	SMEWW 3111-Mn 2017	0,3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	KPH (LOD: 0,5 mg/l)	TCVN 6180:1996(*)	50
6	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD: 0,03 mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ 2017(*)	3
7	Hàm lượng sắt, mg/l	KPH (LOD: 0,03 mg/l)	SMEWW 3500-Fe 2017(*)	0,3
8	Coliforms tổng số, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996(*)	0
9	E.coli, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996(*)	0

Ghi chú:

- Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- KPH: Không phát hiện
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 30 tháng 5 năm 2019



Lê Minh Tiến

SỞ Y TẾ QUẢNG BÌNH
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG
KHOA XÉT NGHIỆM

Địa chỉ: 164 Bà Triệu - Đồng Phú - Đồng Hới - Quảng Bình
Điện thoại: 0523.822557 Fax: 0523845492

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

====oOo=====

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 185/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Quảng Bình.

Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn – Đồng Hới – Quảng Bình.

Tên mẫu: Nước máy Mã số: 185/XNN/2019 Số lượng: 02 lít

Địa điểm lấy mẫu: Võ Thê Triều – Hoàng Viễn – Sơn Thủy – Lệ Thủy – Quảng Bình

Công trình: Cấp nước Lệ Ninh – Lệ Thủy – Quảng Bình.

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.

Ngày nhận mẫu: 08/5/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 20/5/2019

Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp kiểm nghiệm	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Độ đục, NTU	0,34	Máy đo độ đục(*)	≤ 2
2	pH	7,23	Máy đo pH	6,5 - 8,5
3	Hàm lượng Clo dư	0,34	Bộ text Clo	0,3 - 0,5
4	Hàm lượng Mangan, mg/l	KPH (LOD: 0,01 mg/l)	SMEWW 3111-Mn	0,3
5	Hàm lượng Nitrat, mg/l	0,8	TCVN 6180:1996(*)	50
6	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD: 0,03 mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ (*)	3
7	Coliforms tổng số, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996(*)	0
8	E.coli, MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996(*)	0

Ghi chú:

- Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- KPH: Không phát hiện
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Qual

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 17 tháng 5 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC,
PHÓ GIÁM ĐỐC
TỈNH QUẢNG BÌNH
Lê Minh Tiên